TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 85/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 15 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 180/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về yêu cầu "Công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Trọng H, sinh năm 1985. CCCD số: 045085004542; cấp ngày: 31/7/2025; Nơi cấp: Bộ C; Trú tại: H K420 N, phường H, thành phố Đà Nẵng.
- Bà Lương Thị T, sinh năm 1988. CCCD số 048188004309; cấp ngày: 02/10/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trú tại: H K N, phường H, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07 tháng 4 năm 2026 thể hiện, hôn nhân của ông Trần Trọng H và bà Lương Thị T là hợp pháp, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, là do tính tình quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã và vợ chồng không có tiếng nói chung để xây dựng hạnh phúc gia đình, nhiều lần vợ chồng ngồi lại tâm sự, hòa giải với nhau nhưng không thành. Nay ông H và bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt và đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng thuận tình ly hôn, xét thấy việc thuận tình ly hôn của ông H, bà T trên tinh thần tự nguyện không bị ai tác động hoặc cưỡng ép phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn, ông H và bà T thỏa thuận: Bà Lương Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trần Lương Bảo N, sinh ngày 06/9/2013 cho đến khi con trưởng thành, ông Trần Trọng H không có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con. Đối với con chung tên Trần Trọng H1, sinh ngày 08/05/2007 đã thành niên phát triển

đầy đủ về thể lực và trí lực, có khả năng lao động, không thuộc trường hợp sống phụ thuộc vào cha mẹ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét thấy nội dung thỏa thuận giải quyết việc hôn nhân và gia đình của ông Trần Trọng H và bà Lương Thị T được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 07 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Trọng H và bà Lương Thị T thuận tình ly hôn.

Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn: bà Lương Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trần Lương Bảo N, sinh ngày 06/9/2013 cho đến khi trưởng thành. Ông Trần Trọng H không có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

Khi ly hôn cha, mẹ bên không trực tiếp nuôi con và bên trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ, quyền của cha mẹ theo quy định tại Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Trần Trọng H và bà Lương Thị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền lệ phí 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) ông H và bà T đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0002872 ngày 30/3/2026. Ông H và bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- VKSND Khu vực 4 – Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 4 - Đà Nẵng;
- UBND phường Hải Vân *(GCNKH số 11, ngày ĐK 02/3/2007 của UBND phường Hòa Hiệp Bắc cũ)*;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng Vũ